

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình V, trú tại: Thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Chị M xây dựng hạnh phúc với anh Trần Đình V do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V không chịu lao động, chơi bời nợ nần nhiều, chị nhiều lần trả nợ cho anh V, anh V nhiều lần đánh chị, uy hiếp, đập phá đồ đạc của bố mẹ chị. Chị không chịu được bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh V xin lỗi, hứa sửa chữa chị quay về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian anh V không thay đổi cách sống. Anh V đánh đuổi chị nên chị đưa 02 con vào Miền Nam ở cùng mẹ đẻ của chị từ năm 2019 và sống ly thân với anh V từ đó đến nay. Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình V. Về con chung: Chị M và anh V có 02 con chung là Trần Đình Q, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và Trần Đình V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013. Hiện chị có nơi ở và 02 con học hành ổn định. Ly hôn chị M đề nghị nuôi 02 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình V có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị M về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Năm 2019 chị M đưa 02 con bỏ nhà đi không cho anh biết địa chỉ, anh đã tìm nhưng không biết mẹ con chị M ở đâu. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Chị M xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh V nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi con như chị M trình bày. Ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh V xin đoàn tụ với chị M. Nếu chị M kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Trần Đình V. Về con chung: Giao 02 con Trần Đình Q, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và Trần Đình V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 cho chị M nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị M và anh V không yêu

cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Đình V. Anh Trần Đình V có nơi cư trú tại thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Đình V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Đình V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Đình V xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Cốc Tràng, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống chị M và anh V xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Anh V chơi bời nợ nần, vợ chồng nhiều lần cãi cọ, anh V đánh chị M. Chị M đưa 02 con và Miền Nam sống cùng mẹ đẻ chị từ năm 2019 và sống ly thân với anh V từ đó đến nay. Chị M xin ly hôn anh V, tại lời khai anh V đồng ý ly hôn nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh V xin đoàn tụ. Căn cứ vào tài liệu xác minh gia đình và địa phương cho thấy chị M và anh V chung sống xảy ra mâu thuẫn do lỗi từ phía anh V, chị M cho anh V nhiều cơ hội vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh V không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M xin ly hôn anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh V có 02 con chung là Trần Đình Q, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và Trần Đình V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay chị M có việc làm, có thu nhập, có nơi ở cùng mẹ đẻ và được sự hỗ trợ của mẹ chị đảm bảo nuôi các con. Cháu Q và cháu V trên 07 tuổi có đơn đề nghị được ở với chị M. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét

xử giao cho chị M được nuôi 02 con. Tạm hoãn việc anh Trần Đình V cấp dưỡng nuôi các con.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Đình V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Trần Đình V.

2. Về con chung: Giao con Trần Đình Q, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2011 và Trần Đình V, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Trần Đình V cấp dưỡng nuôi các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001226 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Đình V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn